

CHAPTER 04C

HƯỚNG DẪN NGỮ PHÁP

MỤC LỤC・目次

MỤC LỤC・目次	1
CHÚ THÍCH	2

CHÚ THÍCH



Công thức, cách kết hợp



Ghi chú



Nhắc lại kiến thức cũ.



So sánh cách dùng với những mẫu câu gần nghĩa.



Mở rộng thêm ngoài kiến thức chính.



CẢM THÁN VỚI ね

v1



[MỌI CÂU HOÀN CHỈNH] ね。

ね là từ cảm thán thêm vào cuối 1 câu để bày tỏ cảm xúc của người nói,

muốn chia sẻ và cần một sự đồng cảm với người nghe.

Ở phía ngược lại, để đồng tình với thông điệp này, câu đáp lại thường luôn là そうですね。

#01 例

すず 涼しいですね。Mát nhỉ!

そうですね。Ừ vậy nhỉ!



TRẠNG TỪ





Trạng từ là từ **đứng trước** các từ loại như động từ, tính từ...

để nhấn mạnh hoặc mang lại một ý nghĩa thêm nào đó.

Ở chapter 4 này, chúng ta tìm hiểu khái niệm đầu tiên về trạng từ:

“Trạng từ bổ nghĩa cho tính từ”.



	#1	とても + A です。	rất
	#2	すこし + A です。	hơi, một chút
	#3A	あまり + [TÍNH TỪ い] BỎ い + くないです。	không A lắm
	#3B	あまり + [TÍNH TỪ な] じゃありません。	không A lắm

#2 例

とても

このコーヒーは とても^{にが}苦いですね。

Cà phê này **rất** đắng nhĩ.

#3 例

すこし

このカレーは すこし^{から}辛いです。

Món cà ri này **hơi** cay.

#4 例

A い

ホーチミン市は冬、あまり^{し ふゆ さむ}寒くないです。

TPHCM **không** lạnh **lắm** vào mùa đông.

#5 例

A な

高尾山^{たか おさん}は あまり有名^{ゆうめい}じゃありますが、きれいです。

Núi Takao không nổi tiếng cho lắm nhưng mà đẹp.

Lưu ý, với cụm tính từ, trạng từ có thể đứng trước cụm tính từ hoặc đứng ngay trước tính từ bên trong, mà không làm thay đổi nghĩa.



・ Trạng từ + (danh từ が tính từ)

・ Danh từ が (trạng từ + tính từ)

Ta có được điều này là do dù gì đi nữa, trạng từ cũng sẽ đi kèm với tính từ tiếp theo nó đi cùng, nên không gây ra nhầm lẫn.

#7 例

Adv+cụm A

今、あまり 天気^{てん き}が よくないですね。

Bây giờ thời tiết không đẹp lắm nhĩ.

#9 例

Adv+A

Gia Định公園^{こうえん}は みどり^{みどり}が とても多^{おほ}いです。

Công viên Gia Định có **rất nhiều** cây xanh.

C.2



A: ^{あつ}暑いんですね。Nóng nhỉ.

B: そうですね。Ừ nhỉ.

A: Bさんの^{くに}国も8月、^{あつ}暑いですか。

Đất nước của B cũng nóng vào tháng 8 đúng không.



B: はい、^{あつ}とても暑いです。

Vâng, rất nóng.



B: いいえ、^{あつ}あまり暑くないです。

Không, không nóng lắm.

Thời gian trong câu tính từ chỉ nhiệt độ:

Chúng ta có thể thêm yếu tố thời gian vào một câu nói về thời tiết của một nơi, bởi lẽ, trong năm, không hẳn lúc nào nhiệt độ cũng giống nhau.



Phần thêm vào có thể là:

- 1 trong 12 tháng (có đuôi がつ, xem lại bảng tháng)
- 4 mùa xuân hạ thu đông (はる なる あき ふゆ)
- いちねんじゅう: suốt 1 năm/cả năm

C.3

例

A: ^{まいにち}毎日、^{あつ}暑いんですね。Mỗi ngày đều nóng nhỉ.

B: そうですね。Aさんの^{くに}国も8月、^{あつ}暑いですか。
Ờ vậy nhỉ. Đất nước của bạn A cũng nóng vào tháng 8 đúng không?

A: はい、^{あつ}とても暑いです。Vâng, rất nóng.

B: Bさんの^{くに}国はどうですか。☁️ Nước của B thì sao?

B: 私の^{くに}国は8月、^{あつ}あまり暑くないです。☁️
Ở đất nước của tôi thì vào tháng 8 không nóng lắm.



TÍNH TỪ CHỈ MÙI VỊ



Tính từ chỉ mùi vị là phần từ vựng quan trọng trong chương này.
Chúng gồm ngon, ngọt, cay, đắng, chua.

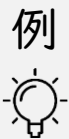
#11 例

Bổ nghĩa

すっぱい^{くだもの}果物を^た食べません。

Tôi không ăn trái cây chua.

C.4



A: Bさんの^{くに}国で^{なつ}夏に何を^た食べますか。

Ở nước của B vào mùa hè (người ta) ăn gì?

B: 私の^{くに}国でサムゲタンを^た食べます。💭

Ở nước mình ăn Samugetan.

A: さむげたん? 「サムゲタン」は何ですか。

Samugetan? "Samugetan" là gì thế?

B: サムゲタンは^{とり}鶏肉のスープです。

Samugetan là món súp làm từ thịt gà. Ngon lắm.

A: へえ。

CÔNG
HƯNG

HOÀNG
DŨNG

THANH
ĐÀM

THANH
HIỆP

CAO
DUY

HỮU
ĐỨC

TUẤN
KIỆT

QUỐC
CÔNG

LÂM
HƯNG

ANH
TUẤN

HỮU
THÀNH

MINH
TRUNG

QUỐC
VƯƠNG